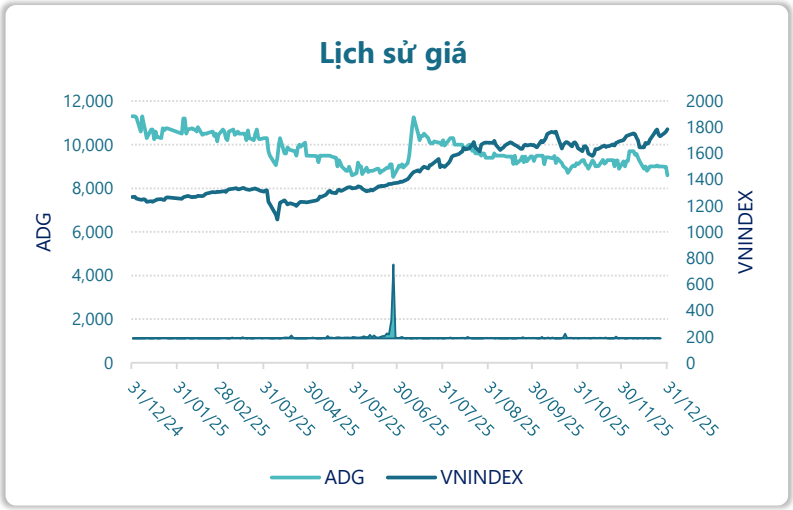
FireAnt

CTCP Clever Group (HSX: ADG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,520
SL cổ phiếu LH	21,380,521
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,485
% sở hữu nước ngoài	35.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	184
P/E	8.9
EPS	964

DT thuần

Q4/25

184

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.0| 57.0%

YoY: ▲ 31.0| 20.0%

LN sau thuế

Q4/25

22.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.9| 3085%

YoY: ▲ 6.80| 43.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.8%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

499

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.0| 7.5%

LN sau thuế

2025

23.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.90| 13.5%

ROE

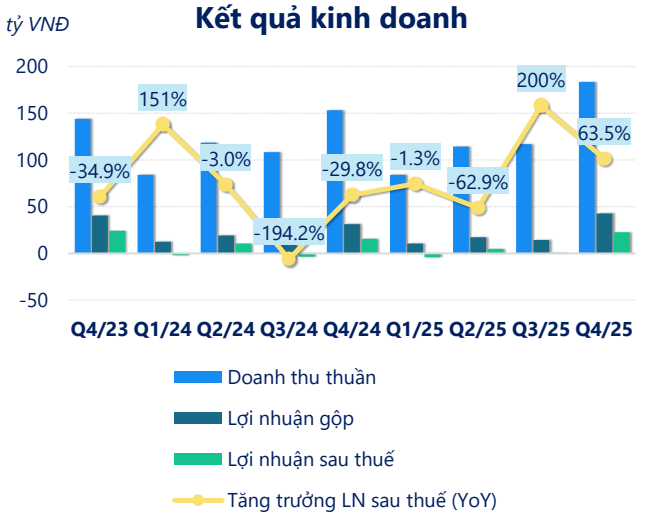
2025

5.1%

+/- YoY: ▲ 0.3%

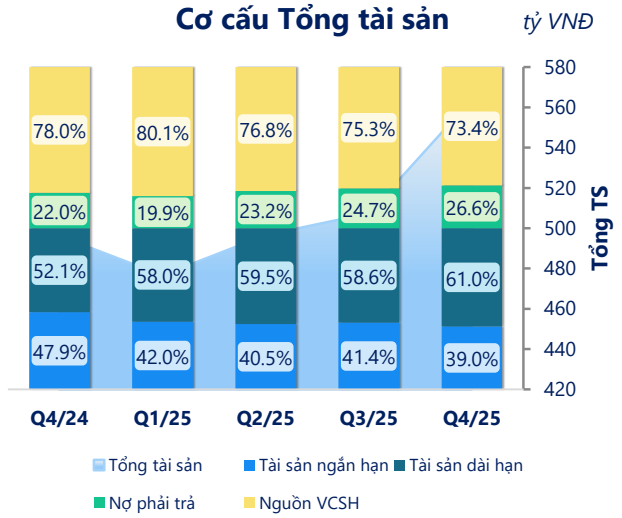
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



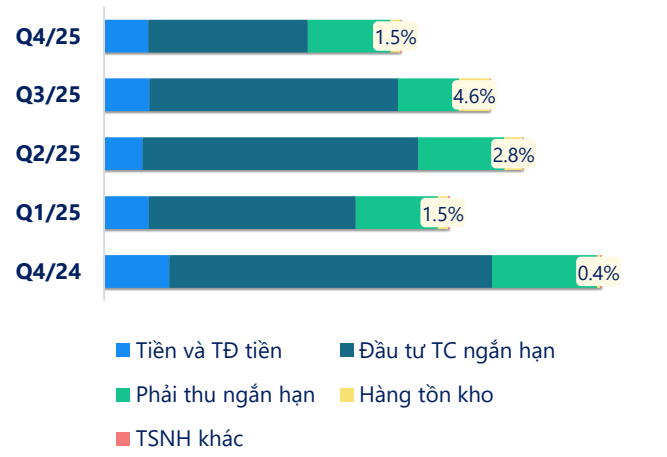
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



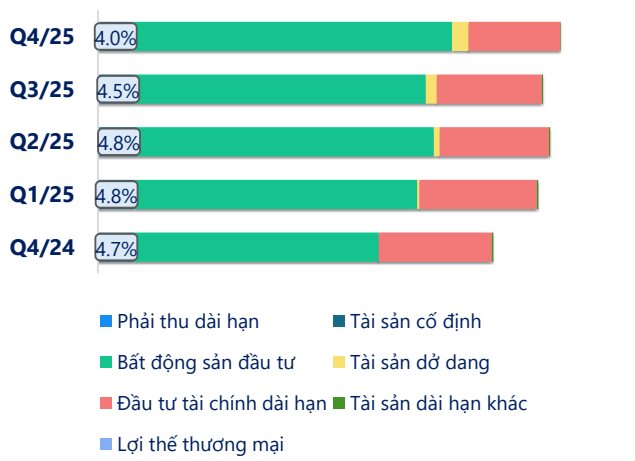
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



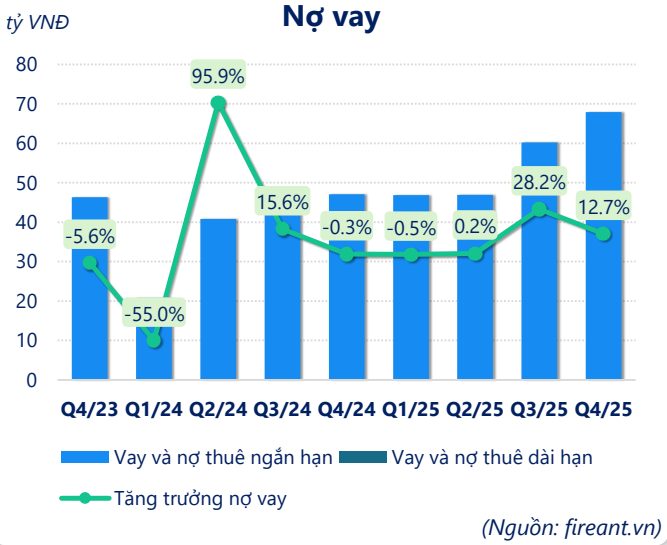
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



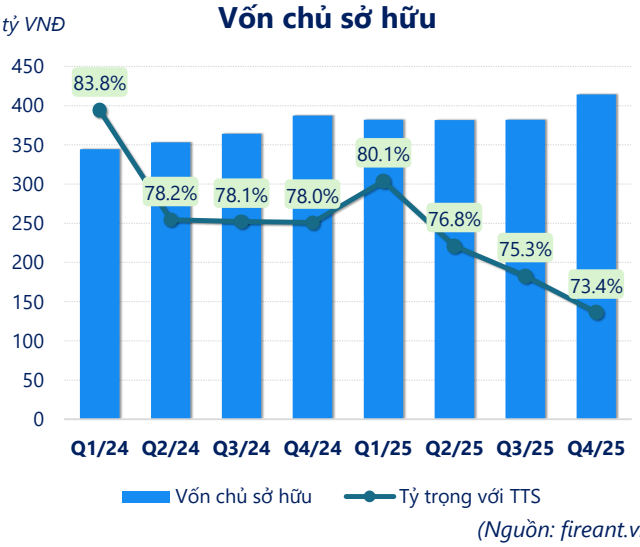
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



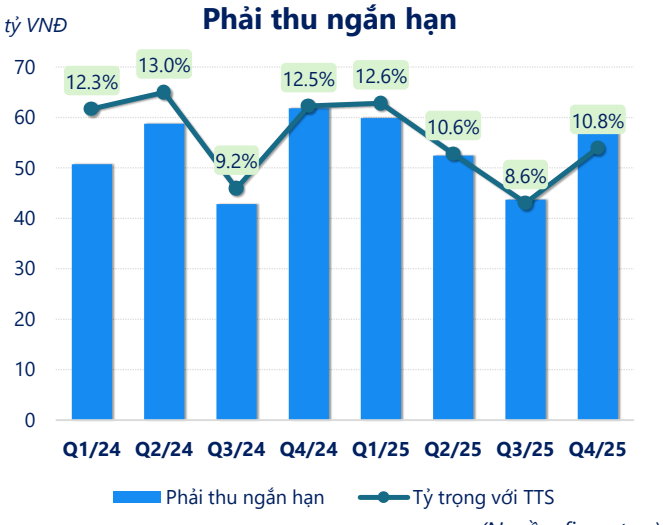
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



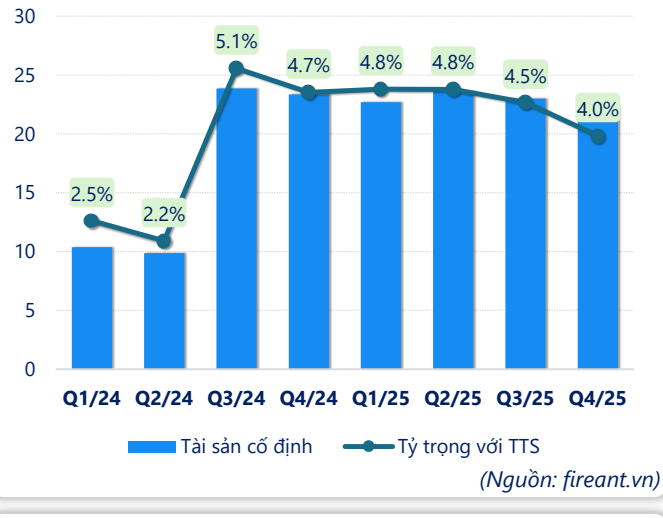
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



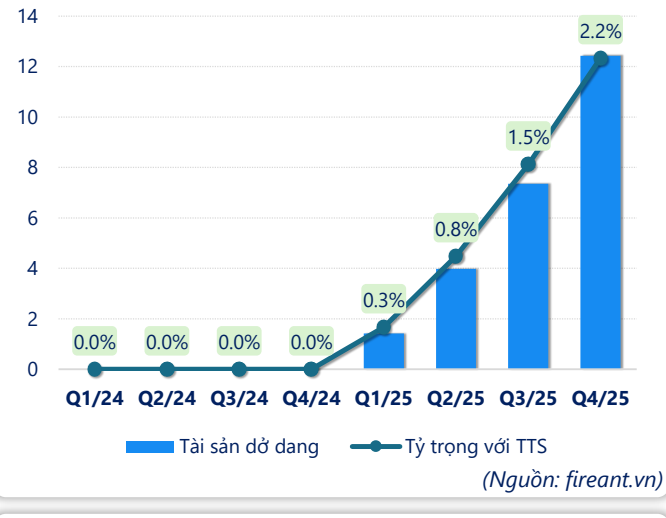
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



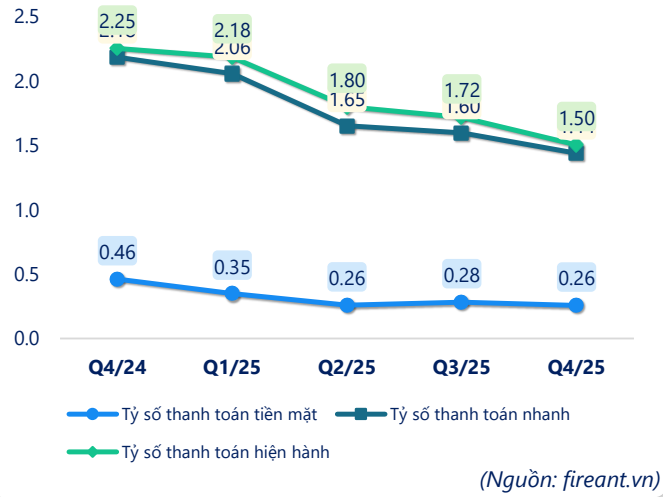
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



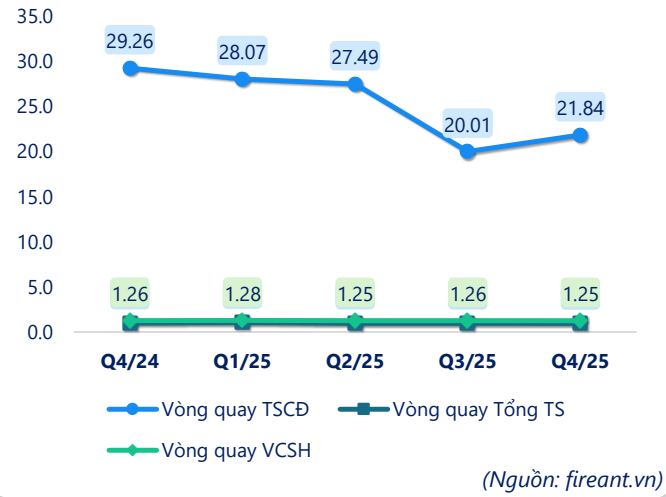
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**496**	**477**	**497**	**507**	**564**
Tài sản ngắn hạn	**238**	**200**	**201**	**210**	**220**
Tiền và tương đương tiền	48.7	32.0	28.8	34.6	37.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	119	95.5	102	116	111
Phải thu ngắn hạn	61.8	59.9	52.4	43.7	60.9
Hàng tồn kho	7.19	11.8	16.7	14.9	9.53
Tài sản ngắn hạn khác	1.13	1.10	0.91	0.98	1.32
Tài sản dài hạn	**258**	**276**	**296**	**297**	**344**
Phải thu dài hạn	0.34	0.36	1.98	2.03	2.02
Tài sản cố định	23.3	22.7	23.6	23.0	22.4
Bất động sản đầu tư	160	177	194	194	239
Tài sản dở dang	0	1.42	3.98	7.36	12.4
Đầu tư tài chính dài hạn	74.0	73.6	71.5	70.3	68.0
Tài sản dài hạn khác	0.96	0.87	0.77	0.67	0.51
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**109**	**94.6**	**115**	**125**	**150**
Nợ ngắn hạn	**106**	**91.7**	**112**	**122**	**147**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.1	46.8	47.0	60.2	67.9
Phải trả người bán ngắn hạn	29.9	23.7	38.6	34.5	44.8
Nợ dài hạn	3.32	2.90	3.42	2.90	3.26
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**387**	**382**	**382**	**382**	**414**
Vốn chủ sở hữu	**387**	**382**	**382**	**382**	**414**
Vốn điều lệ	214	214	214	214	214
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)